TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 179/2019/HNGĐ-ST Ngày 31/7/2019 *V/v "Không công nhận là vợ chồng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thuý Hà**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Thúy Tình** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/HNGĐ-ST, ngày 11/4/2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn P,** sinh năm 1971;

ĐKHKTT: Thôn T), xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Thôn 7, xã Đ thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

***** *Bị đơn:* Anh **Hoàng L,** sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn T2 , xã T, thành phố T., tỉnh Tuyên Quang;

Chị Nguyễn P và anh Hoàng L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn P trình bày:

Chị và anh Hoàng L đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND thị trấn Nông trường chè Sông Lô, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, Chị P và anh L sinh sống tại thôn Thôn T), xã T, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hoà thuận hạnh phúc, luôn cãi, chửi, đánh nhau, nhưng vì con cái nên chị phải chịu đựng không dám ly hôn, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, từ năm 2014 anh L có quan hệ ngoại tình nên chị và con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn 7, xã Đ thành phố T sống từ thời gian đó cho đến nay. Hiện nay con chung giữa chị và anh

L đã lập gia đình ở riêng, bản thân chị không thể chung sống cùng anh L được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống vì vợ chồng có cố gắng níu kéo cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung tên là Hoàng V T, sinh ngày 20/3/1993 và Hoàng T T, sinh ngày 27/01/1999. Hiện hai con chung đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng, vì vậy chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh L không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc vụ thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và đối chiếu chứng cứ cho anh Hoàng L nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương để ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Anh Hoàng Văn Phúc và chị Nguyễn Lcó đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T), xã T, thành phố T. Từ năm 2014 Chị Pchuyển về xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang sống cùng các con, còn anh L sống một mình tại địa phương. Vợ chồng anh chị có 02 con chung đều đã lập gia đình và ở riêng. Anh chị có tài sản chung là nhà đất tại địa phương, không có vay nợ chung. Tại UBND xã An Tường và UBND xã Thái Long, thành phố Tuyên Quang đều cho biết sổ đăng ký kết hôn năm 1992 không còn lưu giữ tại UBND các xã. Chị Nguyễn P cũng không có tài liệu gì khác để chứng minh về việc vợ chồng có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Lcó đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được ly hôn với anh Hoàng L; chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung vì con chung đã trưởng thành và không giải quyết về tài sản chung, chị xác định vợ chồng không có vay nợ chung.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh Hoàng L đến tham gia tố tụng nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn P về việc xin ly hôn anh Hoàng L.

Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 11/4/2019, Toà án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Hoàng L bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm iết tại chính quyền địa phương nhưng anh L không đến Toà án giải quyết vụ việc, tại các buổi hòa giải anh L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Nguyễn P trình bày, chị và anh Hoàng L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường chè Sông Lô, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, Chị Pvà anh L sinh sống tại thôn Thôn T), xã T, thành phố T nhưng Chị Pkhông xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Qua xác minh tại UBND các xã này đều xác nhận tại thời điểm này không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1992; tại chính quyền địa phương nơi Chị Pvà anh L chung sống không biết Chị P và anh L có đăng ký kết hôn hay không. Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, không có căn cứ xác định Chị Pvà anh L có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, HĐXX cần tuyên bố không công nhận chị Nguyễn P và anh Hoàng L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn P và anh Hoàng L có 02 con chung là Hoàng V T, sinh ngày 20/3/1993 và Hoàng T T, sinh ngày 27/01/1999. Hiện đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng. Vì vậy, Chị Pkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn P xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có vay nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng L không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1, Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn P và anh Hoàng L là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn P phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000326 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Pđã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng L không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn P và anh Hoàng L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã An Tường và Thái Long, TPTQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hương Giang